TÒA ÁN NHÂN DÂN
**HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**Số: 53 /2020/QĐST-HNGĐ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*K, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1991; ĐKHKTT: số nhà 18, phố P, phường N, thành phố Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993; ĐKHKTT: số nhà 18, phố P, phường N, thành phố Ninh Bình. Hiện trú tại: Xóm 6, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi làm việc: Trường Mầm non K, huyện K.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn M và chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con cái: Chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Phạm Minh A sinh ngày 21/5/2016 đến khi con chung thành niên. Anh M

không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về án phí: Anh Phạm Văn M nộp toàn bộ án phí khi ly hôn là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2325 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh M còn được hoàn lại số tiền 150.000 đồng trong tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**